|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**  **NĂM HỌC: 2020-2021**  **MÔN : NGỮ VĂN 8** |

1. ***Phần văn:***

***Câu 1:*** *Bảng thống kê các văn bản đã học:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tác phẩm | Tác giả | Thể loại | Giá trị nội dung | Giá trị nghệ thuật |
| 1 | Tôi đi học | Thanh Tịnh (1911-1988) | Truyện ngắn hồi kí | Tuổi học trò sâu lắng đáng yêu cần cảm ơn công lao sinh thành của cha mẹ. | -Văn tự sự kết hợp hài hòa chặt chẽ với miêu tả và biểu cảm, làm cho truyện ngắn đậm chất trữ tình  -Tài sử dụng ngôn ngữ ngắn của nhà văn với những hồi ức sâu lắng đáng yêu. |
| 2 | Trong lòng mẹ | Nguyên Hồng (1918-1982) | Tiểu thuyết tự truyện | Là bài ca chân tình cảm động về tình mẫu tử, đó là những cay đáng tủi nhục, cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn đối với người mẹ. | Phương thức tự sự và biểu cảm kết hợp với lời văn chân tình giàu cảm xúc, với những thủ pháp so sánh độc đáo. |
| 3 | Tức nước vớ bờ | Ngô Tất Tố (1893-1954) | Tiểu thuyết | Tác phẩm đã vật trần bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân phong kiến, Vẻ đẹp của một tâm hồn đầy yêu thương, dịu dàng, chịu đựng, ngang tàn, bất khuất của người phụ nữ trước cách mạng tháng 8 tư thế là người rất đẹp của chị dậu là ko chịu sống quỳ. | Khắc họa nhân vật rõ nét, ngôn ngữ kể chuyện miêu tả đối thoại đặc sắc. |
| 4 | Lão Hạc | Nam Cao (1917-1951) | Truyện ngắn | Truyện ngắn đã thể hiện một cách chân thực và cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời truyện ngắn còn cho thấy tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân. | Tạo dựng tình huống truyện bất ngờ, ngôn ngữ phù hợp với từng nhân vật, con chó vàng mang màu sắc triết lí, xây dựng nhân vật bằng miêu tả ngoại hình để bộc lộ nội tâm, tâm lí của nhân vật. |
| 5 | Cô bé bán diêm | An-đéc-xen (1805-1875) | Truyện cổ tích hiện đại | Niềm thương cảm sâu sắc đối với những con người bất hạnh, niềm tin của con người và tấm lòng nhân ái của nhà văn. | -Cách kể chuyện hấp dẫn đan xen giữa mộng tưởng và thực tế, sử dụng hình ảnh tương phản đối lập đặc sắc.  -Sự kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố kể, tả, biểu cảm.  -Xây dựng tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn phù hợp với tâm lí trẻ thơ. |
| 6 | Đánh nhau với cối xay gió | Xéc-van-téc (1547-1616) | Tiểu thuyết | Sử dụng tiếng cười khôi hài để diễu cợt cái hoang tưởng, tầm thường đề cao thực tế và sự cao thượng. | Sử dụng phép tương phản trong xây dựng nhân vật. |
| 7 | Chiếc lá cuối cùng | O hen-ri (1862-1910) | Truyện ngắn | Ca ngợi tình bạn, tình người đằm thắm, tha thiết, thủy chung, trong sáng nghệ thuật chân chính phục vụ con người, hãy yêu thương trân trọng con người nhất là những con người nghèo khổ. | Xây dựng cốt truyện đơn giản, giàu kịch tính, kết cấu truyện tương phản, tinh tế hai lần đảo ngược kết thúc truyện bất ngờ, ngôn ngữ kể truyện giản dị nhẹ nhàng và sâu sắc. |

***Câu 2:*** *Nêu điểm giống nhau và khác nhau của các tác phẩm truyện kí Việt Nam đã học năm 30-45 ?*

**Giống nhau:**

-Thể loại: đều là văn bản tự sự, là truyện kí hiện đại

-Thời gian ra đời trước CMT8 năm: 1930-1945

- Đều lấy đề tài về cuộc sống và con người của xã hội thực dụng phong kiến, miêu tả số phận cực khổ của những người nghèo khổ bị vùi dập trong xã hội ấy.

-Giá trị tư tưởng: Đều chan chứa tinh thần nhân đạo cao cả (yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất đẹp đẽ của con người, tố cáo những gì tàn ác xấu xa)

-Giá trị nghệ thuật: bút pháp hiện thực, lối viết chân thực, gần gũi với đời sống, ngôn ngữ giản dị, kể chuyện và miêu tả cụ thể sinh động.

**- Khác nhau:** Mỗi tác phẩm có nhừng điểm khác về các mặt như: thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung chủ yếu và đặc sắc nghệ thuật.

***II.Phần tiếng việt:***

*Lập bảng thống kê các kiến thức từ vựng, ngữ pháp và dấu câu đã học:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên từ vựng, ngữ pháp, dấu câu | Khái niệm | Dấu hiệu, hình thức, chức năng | Ví dụ |
| 1 | Câu ghép | Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu | **\*Có hai cách nối các vế câu:**  -Dùng những từ có tác dụng nối.Cụ thể:  +Nối bằng một quan hệ từ;  +Nối bằng một cặp quan hệ từ;  +Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng).  -Không dùng từ nối: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.  **\*Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa** với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là: qh nguyên nhân, qh điều kiện(giả thiết), qh tương phản, qh tăng tiến, qh lựa chọn, qh bổ sung, qh tiếp nối, qh đồng thời, qh giải thích.  **\*Mối quan hệ thường được đánh dấu bằng** cặp quan hệ từ, những quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp ta phải đựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp. | +Mây đen kéo kính bầu trời, gió giật mạnh từng cơn.  +Nắng ấm, sân rộng và sạch.  +Giá trời không mưa thì chúng tôi sẽ đi chơi.  +Vì mẹ ốm nên bạn Nghĩa phải nghĩ học. |
| 2 | Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ |  | Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn(khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn)nghĩa của từ khác:  -Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.  -Một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.  -Một từ ngữ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có nghĩa hẹp đối với từ ngữ khác. | + Xăng, dầu hoả, ga, than, củi… được bao hàm trong phạm vi nghĩa của từ "nhiên liệu".  + "Lúa"có nghĩa rộng hơn các từ ngữ: lúa nếp, lúa tẻ, lúa tám thơm…  + Lúa lại có nghĩa hẹp hơn với từ "ngũ cốc" |
| 3 | Trường từ vựng | Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa |  | + Các từ: thầy giáo, công nhân nông dân, thầy thuốc, kỹ sư… đều có một nét nghĩa chung là: người nói chung xét về nghề nghiệp. |
| 4 | Từ tượng hình, từ tượng thanh | \*Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  \*Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên của con người. | Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; thường được dùng trong văn miêu tả và văn tự sự. | **+**Từ tượng thanh: soàn soạt, bịch, đánh bốp, nham nhảm.  **+**Từ tượng hình: rón rén, lực điền, chỏng queo. |
| 5 | Từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội | \*Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.  \* Khác với từ ngữ toàn dân,biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định | \*Việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội phải phù hợp với tình huống giao tiếp. Trong thơ văn tác giả có thể sử dụng một số từ ngữ thuộc hai lớp từ này để tô đậm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ, tính cách nhân vật.  \*Muốn tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. | \*Ngái\_xa,chộ\_thấy  Mẹ\_mạ,rào\_sông, …  \*Mợ\_mẹ,trứng\_điểm 0 |
| 6 | Trợ từ, thán từ | \*Trợ từ là những từ chuyên đi kèm với một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.  \*Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. | \* Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt.  \* Thán từ gồm hai loại chính:  + Thán từ bộc lộ tình cảm cảm xúc:  +Thán từ gọi đáp: | \*Ví dụ trợ từ: những, có, chính, đích, ngay…  A, ái, ơ, ôi, ô hay, than ơi, trời ơi…  Này, ơi, vâng, dạ, ừ  … |
| 7 | Tình thái từ | Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán và để biệu thị sắc thái tình cảm của người nói. | \*Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý như sau:  -Tình thái từ nghi vấn:  -Tình thái từ cầu khiến:  -Tình thái từ cảm thán:  -Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm:  \*Khi nói khi viết cần chú ý sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm…) | À, ư, hả, chứ, chăng…  Đi, nào, với…  Thay, sao…  Ạ, nhé, cơ, mà… |

***III. Phần tập làm văn:***

1. ***Lý thuyết:***

***Câu 1:*** *Nêu tính thống nhất về chủ đề của văn bản?*

-Chủ đề là đối tượng và vấn đè chinh mà văn bản muốn biểu đạt.

-Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi chỉ biểu đạt chủ đề đã xác định, không rời xa hay lạc sang chủ đề khác.

***Câu 2:*** *Bố cục của văn bản?*

-Bố cục của văn bản là sự tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề. Văn bản thường cá bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

+ Mở bài: giới thiệu nội dung sẽ triển khai, dẫn dắt người đọc nhập cuộc;

+ Thân bài: triển khai nội dung đã giới thiệu ở mở bài, giải quyết nhiệm vụ đã đặt ra;

+ Kết bài: khẳng định và nâng cao vấn đề đã trình bày ở phần nội dung.

***Câu 3:*** *Thế nào là liên kết các đoạn văn trong văn bản?*

-Khi chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác cần sử dụng các phương tiện liên kết để thể hiện quan hệ ý nhgĩa của chúng

***Câu 4:****Nêu khái niệm về đoạn văn trong văn bản, từ ngữ chủ đề và câu chủ đề?*

-Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành.

-Từ ngữ chủ đề là các từ ngữ được dùng làm đề mục hoặc các từ ngữ được lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt.

-Câu chủ đề mang nội dung khái quát, lời lẽ ngắn gọn thường đủ hai thành phần chính và đứng ở đầu hoặc cuối đoạn văn.

***Câu 5:****Tóm tắt văn bản tự sự và các bước tóm tắt?*

-Tóm tắt văn bản tự sự là dùng lời văn của mình trình bày một cách ngắn ngọn nội dung chính (bao gồm sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng) của văn bản đó.

-Các bước tóm tắt văn bản tự sự:

B1: Đọc kĩ văn bản gốc, chọn các sự việc cơ bản xảy ra với nhân vật chính và diễn biến của các sự việc đó.

B2:Tóm tắt rõ các hành động, lời nói, tâm trạng của nhân vật theo diễn biến của cốt truyện (một vài chỗ có thể kết hợp dẫn nguyên văn một số từ ngữ, câu văn trong văn bản gốc).

Câu 6:Văn bản tự sự có yếu tố miêu tả, biểu cảm.

-Trong văn bản tự sự rất ít khi tác giả chỉ thuần kể người, kể việc(kể chuyện) mà khi kể thường đan xen các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

-Các yếu tố miêu tả biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn.

***2.Bài tập:***

**Câu 1:** Viết đoạn văn giới thiệu về các tác giả Nguyên Hồng, Nam Cao, Ngô Tất Tố ?

**Câu 2:** Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật chị Dậu, Lão Hạc, cậu bé Hồng, Cô Bé Bán Diêm.

**Câu 3:** Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về các vấn đề xã hội ( Ô nhiễm môi trường, tác hại của thuốc lá, sự gia tăng dân số quá nhanh...)

**Câu 4:** Kể một việc làm của em khiến cho cha mẹ vui lòng.

**Câu 5:** Kể một câu chuyện về một con vật nuôi có tình có nghĩa.